

BẢNG ĐIỂM KỶ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO

Ngày Thi: 07/6/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
1	BKNC8737	Bùi Võ Hồng	Anh	25/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	5.33	9.0	9.5	6.0	8.17	Đạt	
2	BKNC8738	Vũ Bùi Phương	Anh	13/02/2005	Đắk Lắk	9.0	9.0	9.5	6.0	8.17	Đạt	
3	BKNC8739	Nguyễn Thị Hòa	Bình	09/02/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	9.5	9.5	8.5	9.17	Đạt	
4	BKNC8740	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	31/08/2003	Tây Ninh	9.0	9.0	9.0	8.0	8.67	Đạt	
5	BKNC8741	Đặng Thị Hồng	Đào	28/08/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	9.5	10.0	9.0	9.5	Đạt	
6	BKNC8742	Nguyễn Đức	Đạt	26/04/2006	Hà Nam	8.67	8.5	7.0	5.0	6.83	Đạt	
7	BKNC8743	Nguyễn Thành	Đạt	03/06/1997	Long An	9.67	7.5	8.5	6.0	7.33	Đạt	
8	BKNC8744	Bùi Nguyễn Thúy	Diễm	16/09/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	9.5	9.0	7.5	8.67	Đạt	
9	BKNC8745	Nguyễn Thị Thu	Đoan	01/12/2000	Sóc Trăng	7.67	8.0	9.0	8.0	8.33	Đạt	
10	BKNC8746	Lý Thành Đông	Duy	13/08/2004	Tây Ninh	4.67	0.0	0.0	0.0	0.0	Không đạt	Không TH
11	BKNC8747	Tô Hồng	Gám	10/02/1995	Cà Mau	6.33	8.0	9.0	7.5	8.17	Đạt	
12	BKNC8748	Nguyễn Thúy	Hạnh	07/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	7.5	9.0	7.0	7.83	Đạt	
13	BKNC8749	Nguyễn Thiện	Hoài	20/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	8.5	8.0	9.5	8.67	Đạt	
14	BKNC8750	Nguyễn Thị Hồng	Khuyên	13/03/2001	Lâm Đồng	10.0	9.0	9.5	8.5	9.0	Đạt	
15	BKNC8751	Lê Minh Tuấn	Kiệt	31/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	7.0	8.5	9.0	8.17	Đạt	
16	BKNC8752	Nguyễn Thị Ngọc	Lam	10/01/2006	Lâm Đồng	7.0	7.0	8.0	9.0	8.0	Đạt	
17	BKNC8753	Lê Diệu	Linh	29/12/2004	Ninh Bình	6.33	7.0	8.5	9.0	8.17	Đạt	
18	BKNC8754	Nguyễn Lê Diệu	Linh	10/02/2006	Gia Lai	6.67	7.0	6.0	3.0	5.33	Không đạt	
19	BKNC8755	Trần Lợi	Linh	02/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	7.0	8.0	4.0	6.33	Không đạt	
20	BKNC8756	Trần Thị Trúc	Linh	26/06/2003	Thành phố Đồng Nai	6.67	5.0	6.0	3.0	4.67	Không đạt	
21	BKNC8757	Nguyễn Hoài	Nam	21/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	9.5	7.5	8.0	8.33	Đạt	
22	BKNC8758	Trần Thị Kim	Ngân	19/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	5.0	5.0	5.0	5.0	5.0	Đạt	
23	BKNC8759	Nguyễn Thị Hồng	Nghĩa	10/08/1991	Quảng Trị	9.33	9.0	8.5	6.0	7.83	Đạt	
24	BKNC8760	Đặng Hồng	Ngọc	22/07/2005	Phú Yên	9.33	9.5	9.5	9.5	9.5	Đạt	
25	BKNC8761	Lê Hà Xuân	Nhi	09/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	3.67	0.0	0.0	0.0	0.0	Không đạt	Không TH
26	BKNC8762	Hoàng Minh	Phú	09/09/1982	Quảng Trị	8.0	7.5	9.0	7.0	7.83	Đạt	
27	BKNC8763	Phan Hồ Anh	Phương	13/06/2006	Quảng Ngãi	5.0	6.0	5.0	7.5	6.17	Đạt	
28	BKNC8764	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	25/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.5	9.0	9.0	9.17	Đạt	
29	BKNC8765	Nguyễn Đức Trường	Sơn	10/09/1985	Quảng Trị	8.0	9.0	8.0	9.5	8.83	Đạt	
30	BKNC8766	Đào Thị Phương	Thắm	21/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	9.0	8.0	9.5	8.83	Đạt	
31	BKNC8767	Lại Thị Thu	Thanh	05/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	7.5	9.0	7.0	7.83	Đạt	
32	BKNC8768	Dương Ngọc	Thảo	13/03/2003	Thành phố Đồng Nai	7.0	8.0	8.5	7.0	7.83	Đạt	
33	BKNC8769	Nông Thị Ngọc	Trâm	15/06/2005	Thành phố Đồng Nai	9.67	9.5	9.5	8.0	9.0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
34	BKNC8770	Đông Ngọc Bảo	Trần	13/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	9.5	9.0	7.0	8.5	Đạt	
35	BKNC8771	Lê Thị Thủy	Trang	01/02/2005	Đồng Tháp	8.0	9.0	9.0	8.0	8.67	Đạt	
36	BKNC8772	Trần Thị Minh	Trang	30/10/2005	Lâm Đồng	10.0	9.5	9.5	9.5	9.5	Đạt	
37	BKNC8773	Nguyễn Lâm	Vũ	21/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	7.0	7.0	6.5	6.83	Đạt	
38	BKNC8774	Trần Quang Kim	Xuyến	26/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh							Vắng

Ghi chú: Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN) ≥ 5 và Điểm thực hành 3 mô đun ≥ 5

Số lượng thí sinh: 38

Số thí sinh đạt: 32

Số lượng hiện diện: 37

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam